

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ XÂY DỰNG PHÁT TIỀN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ XÂY DỰNG PHÁT TIỀN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703194273

**3. Ngày thành lập:** 11/03/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

257/4 Đồng Khởi, Phường Phú Mỹ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0762835732

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>(trừ lắp đặt các thiết bị lạnh( thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản) (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4329     |
| 3.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Khoan địa chất công trình xây dựng cầu đường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4390     |
| 4.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4511     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, tổ máy phát điện, máy phát điện, động cơ điện, máy biến thế, dây điện đã hoặc chưa bọc lớp cách điện, rơ le, cầu dao, cầu chì, thiết bị mạch điện khác; bán buôn thiết bị dụng cụ đo lường, máy massage, máy lọc khí, máy lọc nước, dây chuyền sản xuất nước tinh khiết, máy sản xuất nước đá tinh khiết, bình đun nước nóng năng lượng mặt trời, máy rửa rau quả và thực phẩm, thiết bị máy xử lý rác thải; bán buôn máy xử lý rác thải, thiết bị y tế. | 4659     |
| 6.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết : Bán buôn xăng dầu DO, FO và các sản phẩm liên quan ( trừ dầu nhớt cặn và khí dầu mỏ hoá lỏng LPG)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4661     |
| 7.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết : bán buôn sắt thép. Bán buôn nhôm, đồng, inox, kẽm (trừ mua bán vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4662     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn các loại sơn nước, sơn dầu, bột trét tường, thiết bị trang trí nội thất, vật liệu xây dựng, Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, nguyên liệu gỗ, sản phẩm gỗ. (trừ hoạt động bên thủy nội địa)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4663 |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn cao su, tơ, xơ, sợi dệt, phụ liệu may mặc, vải nhám, bao bì, bột giấy và sản phẩm giấy. Bán buôn hoá chất trong lĩnh vực công nghiệp( không tồn trữ hoá chất), bán buôn hạt nhựa đường; bán buôn keo dán gỗ; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại. Bán buôn bê tông nóng. Bán buôn nhựa tổng hợp; Bán buôn hạt nhựa nguyên sinh PP, PE; Bán buôn nhựa PVC( không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn mực in; bán buôn phân bón; phụ gia thực phẩm; bán buôn thiết bị phòng cháy chữa cháy; bán buôn viên nén mùn cưa, viên nén mùn khô; bán buôn mút xốp để làm ghế sofa; bán buôn đá vôi, đá dolomite đã sơ chế và tinh chế; bán buôn sản phẩm bảo hộ lao động; bán buôn sản phẩm khác từ gỗ, viên nén gỗ, dăm gỗ | 4669 |
| 10. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7110 |
| 11. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7410 |
| 12. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét<br>(Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản)<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0810 |
| 13. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác<br>(chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1621 |
| 14. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1622 |
| 15. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện<br>Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất viên nén gỗ, dăm gỗ (chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1629 |
| 16. | In ấn<br>(trừ in ấn trên bao bì; in ấn trên vải sợi, dệt, may, đan)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1811 |
| 17. | Sản xuất sợi nhân tạo<br>(chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2030 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br>(chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                                                                                      | 2511 |
| 19. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>(chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                                                                        | 2592 |
| 20. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng<br>(chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                                                                                   | 2740 |
| 21. | Sản xuất đồ điện dân dụng<br>(chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                                                                                           | 2750 |
| 22. | Sản xuất thiết bị điện khác<br>(chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                                                                                         | 2790 |
| 23. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: vận tải hành khách bằng ô tô, mô tô, xe máy                                                                                                             | 4931 |
| 24. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                         | 4932 |
| 25. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>(trừ hoá lỏng khí để vận chuyển)                                                                                                                                                                                       | 4933 |
| 26. | Bốc xếp hàng hóa<br>(trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                                                                                                                                               | 5224 |
| 27. | Đóng tàu và cấu kiện nổi<br>Chi tiết : đóng tàu thủy (chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                                                                   | 3011 |
| 28. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng sắt, bằng inox, bằng gỗ (chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường)                  | 3100 |
| 29. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất bảng hiệu, vật phẩm quảng cáo, các sản phẩm tổ chức sự kiện (chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường) | 3290 |
| 30. | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>(trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)                                                                                                                                                                                     | 3312 |
| 31. | Sửa chữa thiết bị điện<br>(trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)                                                                                                                                                                                         | 3314 |



\* Họ và tên: TRẦN MỸ LINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/12/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079190005258

Ngày cấp: 14/08/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát ĐKQL và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: 129/6 Trần Quý, Phường 4, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 116/25 đường số 2, Xã Vĩnh Lộc B, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương